

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH LỤC
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16/12/2020
V/v: “Ly hôn, con chung khi
ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LỤC, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh và ông Nguyễn Hữu Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Như Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16/12/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 65/2020/TLST-HNGĐ ngày 02/10/2020 về việc “*Ly hôn, con chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30/11/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị B, sinh năm 1983; nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn B, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Hà Danh T, sinh năm 1975; nơi đăng ký HKTT, nơi cư trú cuối cùng: Tổ dân phố B, thị trấn B, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/8/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Danh T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 27/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại Tổ dân phố B, thị trấn

B, huyện B, tỉnh Hà Nam đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng nhau. Chị B nghi ngờ anh T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác do anh T thường xuyên vắng nhà và khi về nhà thì đối xử lạnh nhạt với chị B; đi làm có thu nhập nhưng không đưa tiền cho chị B nuôi con mà sử dụng tiền vào việc chơi bời. Anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã. Đầu năm 2016 vợ chồng anh chị sống ly thân. Anh T đã đi biệt tích khỏi địa phương từ ngày 05/6/2017, không biết anh T làm gì, ở đâu nên chị B đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tuyên bố anh T mất tích. Ngày 21/7/2020 Tòa án nhân dân huyện B mở phiên họp tuyên bố anh T mất tích. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con chung: Chị B xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Hà Gia B, sinh ngày 13/12/2009; hiện cháu đang ở với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi cháu và không yêu cầu anh T phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị do anh T mất tích.

- Về sản riêng của mỗi người, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Chị B xác định không đề nghị Tòa án giải quyết.

[2] Do anh T mất tích nên không có quan điểm về việc chị B xin ly hôn anh.

* Tại phiên tòa, chị B giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

[3] Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Bình Lục có quan điểm:

- Về tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Bình Lục thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án tại tòa và xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện đúng quy định tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

+ Xử cho chị Trần Thị B ly hôn anh Hà Danh T.

+ Về con chung: Giao cháu Hà Gia B, sinh ngày 13/12/2009 cho chị B nuôi dưỡng. Anh Hà Danh T không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu B cùng chị B.

+ Về sản riêng của mỗi người, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Do chị B không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

+ Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị B phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Hội đồng xét xử thấy đây là vụ án hôn nhân và gia đình kiện ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn; bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại tổ dân phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam, do vậy Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Do anh T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích và được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt vì vậy Tòa án nhân dân huyện Bình Lục tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị B và anh Hà Danh T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 27/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc tại Tổ dân phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng nhau. Chị B nghi ngờ anh T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác do anh T thường xuyên vắng nhà và khi về nhà thì đối xử lạnh nhạt với chị B; đi làm có thu nhập nhưng không đưa tiền cho chị B nuôi con mà sử dụng tiền vào việc chơi bời. Anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã. Đầu năm 2016 vợ chồng anh chị sống ly thân. Anh T đã đi biệt tích khỏi địa phương từ ngày 05/6/2017, không biết anh T làm gì, ở đâu nên chị B đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tuyên bố anh T mất tích.

Ngày 21/7/2020, Tòa án nhân dân huyện Bình Lục mở phiên họp và tuyên bố anh T mất tích. Sau khi thụ lý đơn khởi kiện ly hôn anh T của chị B, tại các buổi làm việc với Tòa án; chính quyền thị trấn B đều xác định từ khi Tòa án tuyên bố anh T mất tích đến nay anh T vẫn không trở về địa phương; không có ai có thông tin gì về anh T. Do mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, anh T đã bỏ nhà đi mất tích từ đầu năm 2017 đến nay nên khả năng vợ chồng đoàn tụ là không có. Vì vậy, cần xử cho chị B được ly hôn với anh T là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị B và anh Hà Danh T có 01 con chung là cháu Hà Gia B, sinh ngày 13/12/2009; hiện cháu đang ở với chị B. Xét nguyện vọng

của cháu B cũng như thực tế anh T mất tích nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị B; Giao cho chị B nuôi dưỡng cháu B và anh T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B.

[4] Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Do chị B xác định không đề nghị Tòa án giải quyết; anh T mất tích do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết tại phiên tòa hôm nay.

[5] Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị B phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Trần Thị B ly hôn anh Hà Danh T.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Gia B, sinh ngày 13/12/2009 cho chị Trần Thị B nuôi dưỡng. Anh Hà Danh T không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu B cùng chị B. Chị B và các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đối với cháu B.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị B phải chịu 300.000 đồng.

Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà chị B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Lục theo biên lai số AA/2015/0002531 ngày 02/10/2020 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà chị B phải chịu. Chị B đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm.

Báo cho chị B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Bình Lục;
- Chi cục THADS huyện Bình Lục;
- UBND thị trấn B;
- UBND xã M, huyện M.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lương Thị Ngọc